



Số: Vc 24/03/05/ĐS-VN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2024

CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

Khách hàng yêu cầu TĐG: Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè.
Địa chỉ: số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 4, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 19001210

Người đại diện: Lý Thành Tài Chức vụ: Giám đốc

Tài sản thẩm định giá: - Máy xúc đào Case biên số 57H-7788 đã qua sử dụng
- Ô tô tải thùng lửng Mitsubishi biên số 51D – 332.59 đã qua sử dụng.
- Ô tô khách Toyota biên số 53S-7415 đã qua sử dụng.
- Ô tô con Hyundai biên số 51A -350.90 đã qua sử dụng.

Địa điểm thẩm định giá: Văn phòng công ty số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 4, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Mục đích thẩm định giá: Làm cơ sở tham khảo để thanh lý tài sản theo quy định pháp luật.

Thời điểm thẩm định giá: Tháng 03/2024.

1. Các căn cứ pháp lý:

- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015; Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20/06/2012; Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan đến thẩm định giá. (Chi tiết xem phụ lục 1)
- Giấy yêu cầu thẩm định giá ngày 26/01/2024 của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè.
- Hợp đồng Dịch vụ thẩm định giá số 24-0051/HDDV - PN - VN ngày 04/03/2024.

2. Đặc điểm tài sản thẩm định giá: Chi tiết xem phụ lục 2.

3. Cơ sở thẩm định giá:

3.1 Cơ sở giá trị: Giá trị phi thị trường- giá trị tài sản chuyên dùng.

3.2 Các cách tiếp cận, phương pháp thẩm định giá:

- Cách tiếp cận từ thị trường - Phương pháp so sánh.

4. Giả thiết và giả thiết đặc biệt: Không có giả thiết và giả thiết đặc biệt.

5. Kết quả thẩm định giá:

- Giá trị tài sản thẩm định giá tại thời điểm tháng 03/2024 là: **844.228.000 đồng** (Bằng chữ: Tám trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm hai mươi tám ngàn đồng).

Chi tiết xem phụ lục 3.

6. Những điều kiện và hạn chế kèm theo kết quả thẩm định giá: Chi tiết xem phụ lục 4.

7. Những vấn đề cần lưu ý:

- Những giới hạn của Chứng thư được nêu ở phụ lục 5 kèm theo.
- Chứng thư này không có giá trị thay thế giấy tờ pháp lý chứng nhận quyền sở hữu tài sản.
- Chứng thư được phát hành 03 bản: Cấp cho khách hàng 02 bản và lưu 01 bản có giá trị như nhau.

THẨM ĐỊNH VIÊN VỀ GIÁ HÀNH NGHỀ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trương Văn Ri
Thẻ ĐDV số: 06077Đ1
Chứng chỉ ĐGD số: 03640119

TS. LS. Nguyễn Văn Thọ
Thẻ ĐDV số: 06082Đ1
Thẻ FRICS số: 1262834
Chứng chỉ ĐGD số: 03620119

PHỤ LỤC

(Kèm theo chứng thư thẩm định giá số Vc 24/03/05/ĐS-VN, ngày 21/03/2024 của SIVC)

PHỤ LỤC 1 : CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá về Thẩm định giá.
- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.
- Nghị định 111/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính Phủ quy định niên hạn sử dụng của phương tiện thủy nội địa và niên hạn sử dụng của phương tiện thủy được phép nhập khẩu.
- Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 08 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.
- Thông tư số 158/2014/TT-BTC, ngày 27/10/2014 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 01, 02, 03 và 04.
- Thông tư số 28/2015/TT-BTC, ngày 06/03/2015 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05, 06 và 07.
- Thông tư số 126/2015/TT-BTC ngày 20/08/2015 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Tiêu chuẩn số 08, 09 và 10.
- Thông tư 323/2016/TT-BTC ngày 16/12/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định về kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá.
- Thông tư 25/2019/TT-BTC ngày 22/04/2019 của Bộ Tài chính về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 323/2016/TT-BTC ngày 16/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng hoạt động thẩm định giá.

PHỤ LỤC 2: ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ

1. Pháp lý tài sản thẩm định giá:

Stt	Loại văn bản	Số, ngày	Nội dung	Cơ quan cấp, xác nhận
I	Pháp nhân:			
	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần.	MSDN: 0304789298 Đăng ký lần đầu ngày: 02/01/2007 Đăng ký thay đổi lần thứ:9, ngày 14/08/2020.	Chứng nhận hoạt động doanh nghiệp cho Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè. Địa chỉ: 1179 đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 4, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Lý Thành Tài - Chức danh: Giám đốc.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.
2	Danh mục tài sản	Số: 0401/DMTĐ-CNNB-TCHC Ngày: 24/01/2024	Khấu hao tài sản	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè.
3	Quyết định	Số: 014/QĐ-CNNB-TCHC Ngày: 23/01/2024	Về việc thanh lý tài sản	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

Thẩm định viên đảm bảo tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, không bị chi phối hoặc bị tác động bởi bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào làm ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan của hoạt động thẩm định giá và kết quả thẩm định giá (Thông tư số 158/2014/TT-BTC – TC ĐDG VN 01)
O: 08. Ban NV3/4. xinh.tv.Xinh.TruongVan.VIVC.NAM 2024/THANG 3/Vc 24-03-05-DS-VN (Cấp nước nhà bè)/PLCT.doc Trang 1/7

Stt	Loại văn bản	Số, ngày	Nội dung	Cơ quan cấp, xác nhận
II	Pháp lý tài sản:			
1	Ô tô con Hyundai biển số 51A -350.90			
1.1	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.	Số: 064821 Ngày cấp: 13/07/2012	Cấp cho Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè, chủ xe ô tô biển số 51A -350.90	Công an thành phố Hồ Chí Minh
1.2	Giấy chứng nhận kiểm định An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.	Số: DA 4778418 Ngày: 19/01/2023	Chứng nhận xe ô tô biển số 51A -350.90 theo số phiếu kiểm định: 5002S-04003/23. Hiệu lực đến hết ngày 18/01/2024.	Sở Giao thông Vận tải thành phố Hồ Chí Minh – Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 50-02S.
2	Ô tô khách biển số 53S -7415			
2.1	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.	Số: 013997 Ngày cấp: 29/12/2009	Cấp cho Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè, chủ xe ô tô biển số 53S -7415	Công an thành phố Hồ Chí Minh
2.2	Giấy chứng nhận kiểm định An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.	Số: DA 4811786 Ngày: 20/04/2023	Chứng nhận xe ô tô biển số 53S -7415 theo số phiếu kiểm định: 5012D-06909/23. Hiệu lực đến hết ngày 19/10/2023. (đã hết hạn)	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 50-12D – Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xăng dầu Mai Châu.
3	Máy xúc đào Case biển số 57H-7788			
3.1	Giấy đăng ký xe ô tô.	Số: 071909 Ngày cấp: 22/07/2008	Cấp cho Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè, chủ xe ô tô biển số 57H-7788	Công an thành phố Hồ Chí Minh
3.2	Giấy chứng nhận kiểm tra An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác sử dụng.	Số: 00135/22-CC6 Ngày: 04/08/2022	Xe máy chuyên dùng đã được kiểm tra và đạt chất lượng an toàn kỹ thuật theo các quy định hiện hành. Hiệu lực đến hết ngày 03/08/2023. (đã hết hạn)	Cục Đăng kiểm Việt Nam – Chi Cục Đăng kiểm số 6.
4	Ô tô tải thùng lửng Mitsubishi biển số 51D – 332.59			
4.1	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô.	Số: 086979 Ngày cấp: 27/08/2018	Cấp cho Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè, chủ xe ô tô biển số 51D – 332.59	Công an thành phố Hồ Chí Minh
4.2	Giấy chứng nhận kiểm định An toàn kỹ thuật	Số: DA-3369243 Ngày: 31/10/2022	Chứng nhận xe ô tô biển số 51D – 332.59 theo số phiếu	

Stt	Loại văn bản	Số, ngày	Nội dung	Cơ quan cấp, xác nhận
	thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.		kiểm định: 5006V-4260/22. Hiệu lực đến hết ngày 29/04/2023. (đã hết hạn)	

2. Đặc điểm kỹ thuật - kinh tế tài sản thẩm định giá:

Stt	Tên tài sản	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật	Số lượng
1	Xe ô tô khách Toyota Hiace, biển số 53S – 7415	<ul style="list-style-type: none"> - Loại phương tiện: ô tô khách. - Nhãn hiệu: Toyota. - Số loại: HIACE TRH213L-JEMDKU. - Số máy: 2TR-6817691. - Số khung: RL4RX12P-699002588. - Năm, nước sản xuất: 2009, Việt Nam. - Công thức bánh xe: 4 x 2. - Vết bánh xe: 1.655 / 1.650 (mm). - Kích thước bao: 4.840 x 1.880 x 2.105 (mm). - Chiều dài cơ sở: 2.570 mm. - Khối lượng bản thân: 1.885 kg. - Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 3.100 / 3.100 (Kg). - Số người cho phép chở: 16 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm. - Loại nhiên liệu: xăng. - Thẻ tích làm việc của động cơ: 2.694 cm3. - Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 111 (kW)/ 4.800 vph - Số lượng lốp, cỡ lốp/trục: - Trục 1: 2; 195R15. - Trục 2: 2; 195R15. <p>Hiện trạng: số sàn, hệ thống đèn – kính, gạt nước đầy đủ. Nội thất sạch sẽ, ghế nệm, mâm tốt, lốp khá; Bên ngoài lớp sơn trung bình chưa thấy biến dạng. Xe vệ sinh sạch sẽ. Số km thể hiện trên đồng hồ: 124.789. Tại thời điểm thẩm định hiện trạng, xe đang đậu tại khuôn viên văn phòng công ty. Nhìn chung xe sạch sẽ.</p>	1 chiếc
2	Xe ô tô con HYUNDAI SONATA, biển số 51A – 350.90	<ul style="list-style-type: none"> - Loại phương tiện: ô tô con. - Nhãn hiệu: HYUNDAI. - Số loại: SONATA. - Số máy: G4KDCA024956. - Số khung: KMHEC41BBCA414072. - Năm, nước sản xuất: 2012, Hàn Quốc. - Công thức bánh xe: 4 x 2. - Vết bánh xe: 1.587 / 1.587 (mm). - Kích thước bao: 4.820 x 1.835 x 1.470 (mm). - Chiều dài cơ sở: 2794 mm. 	1 chiếc

		<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng bản thân: 1.486 kg. - Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 1.980 / 1.980 (Kg). - Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm. - Loại nhiên liệu: xăng. - Thể tích làm việc của động cơ: 1.998 cm³. - Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 121 (kW)/ 6.200 vph - Số lượng lốp, cỡ lốp/trục: 	
		<ul style="list-style-type: none"> - Trục 1: 2; 225/45R18. - Trục 2: 2; 225/45R18. <p>Hiện trạng: số tự động, hệ thống đèn đầy đủ, nội thất sạch sẽ, kính chỉnh điện, ghế nệm, hệ thống máy lạnh hoạt động tốt, mâm tốt, lốp khá. Gạt nước, kính đầy đủ; bên ngoài chưa thấy trầy xước hay biến dạng. Xe vệ sinh sạch sẽ. Số km thể hiện trên đồng hồ: 132.137. Tại thời điểm thẩm định hiện trạng, xe đang đậu tại hầm xe văn phòng công ty. Nhìn chung xe sạch, đẹp.</p>	
3	Xe ô tô tải thùng lửng MITSUBISHI CANTER, biển số 51D – 332.59	<ul style="list-style-type: none"> - Loại phương tiện: ô tô tải thùng lửng. - Nhãn hiệu: MITSUBISHI. - Số loại: CANTER. - Số máy: 4D32J-51684. - Số khung: RELAFE515B31000055. - Năm, nước sản xuất: 2003, Việt Nam. - Công thức bánh xe: 4 x 2. - Vết bánh xe: 1.391 / 1.380 (mm). - Kích thước bao: 4.820 x 1.750 x 2.005 (mm). - Kích thước lòng thùng xe: 3.050 x 1.615 x 380 (mm) - Chiều dài cơ sở: 2.500 mm. - Khối lượng bản thân: 2.235 kg. - Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 4.300 / 4.300 (Kg). - Số người cho phép chở: 3 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm. - Loại nhiên liệu: Diesel. - Thể tích làm việc của động cơ: 3.567 cm³. - Công suất lớn nhất/tốc độ quay: 78 (kW)/ 3.500 vph - Số lượng lốp, cỡ lốp/trục: - Trục 1: 2; 7.50-15. - Trục 2: 2; 7.50-15. <p>Hiện trạng: đèn, kính lái, chiếu hậu đầy đủ; cabin cửa kính lớp sơn trầy xước, nội thất cũ: nắp taplo hở, ghế nệm bọc simili. Thùng tải sơn bong tróc, rỉ sét nhiều nơi, mâm lốp trung bình, khung gầm chưa thấy biến dạng. Tại thời điểm thẩm định hiện trạng, xe đang đậu tại khuôn viên văn phòng công ty. Nhìn chung xe cũ và bẩn.</p>	1 chiếc
4	Máy xúc đào, biển số 57H – 7788	<ul style="list-style-type: none"> - Loại phương tiện: Đào xúc. - Nhãn hiệu: CASE. - Màu: Vàng. - Số loại: 580. 	1 chiếc



	<ul style="list-style-type: none"> - Số máy: 45436292. - Số khung: 0233632. - Dung tích: 4.390 (mm) - Công suất: 52 Hp - Năm, nước sản xuất: 1996, Mỹ. - Kích thước bao D x R x C: 6.990 x 2.090 x 3.410 (mm). - Khối lượng bản thân: 5.480 kg. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Vận tốc di chuyển lớn nhất: 41.0 km/h - Số người cho phép chở: 01 chỗ đứng - Loại nhiên liệu: Diesel. - Công suất lớn nhất / tốc độ quay: 53.0 / 2.200 kW/vòng/phút. - Thể tích gàu xúc: 0,8 m³ - Chiều cao đổ lớn nhất: 2.712 mm - Thể tích gàu đảo: 0.2 m³ - Bán kính đào lớn nhất: 5.510 mm <p>Hiện trạng: cabin khung sắt mái tôn, không vách. Lớp sơn thân và càng xúc trung bình. Lớp sơn cánh tay đào bong tróc nhiều nơi; gàu đào, gàu xúc rỉ sét chưa thấy biến dạng; vè phải nứt. mâm lốp trung bình. Tại thời điểm thẩm định hiện trạng, xe đang đậu tại khuôn viên văn phòng công ty. Nhìn chung xe cũ và bản.</p>	

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

Đvt: đồng

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy xúc đào Case, biển số 57H – 7788	Chiếc	01	225.409.000	225.409.000
2	Xe ô tô tải thùng lửng MITSUBISHI CANTER, biển số 51D – 332.59	Chiếc	01	83.315.000	83.315.000
3	Xe ô tô khách Toyota Hiace, biển số 53S – 7415	Chiếc	01	200.760.000	200.760.000
4	Xe ô tô con HYUNDAI SONATA, biển số 51A – 350.90	Chiếc	01	334.744.000	334.744.000
Cộng					844.228.000

PHỤ LỤC 4: NHỮNG ĐIỀU KIỆN VÀ HẠN CHẾ KÈM THEO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

1. Những điều kiện và hạn chế kèm theo kết quả thẩm định giá:

1.1 Những điều kiện kèm theo kết quả thẩm định giá:

- Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- Số liệu, thông tin tài sản thẩm định giá căn cứ hồ sơ do khách hàng cung cấp, kết hợp với kết quả thẩm định hiện trạng ngày 29/01/2024 dưới sự hướng dẫn và xác nhận của ông Trần Đình Quân, đại diện Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè.

- Kết quả trên được xác định căn cứ vào nội dung pháp lý mà khách hàng cung cấp (được đính kèm chứng thư thẩm định giá). Trong bất kỳ trường hợp nào, nếu nội dung pháp lý trên thay đổi thì kết quả trên sẽ thay đổi.
- Giá giao dịch cụ thể có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị trên tùy thuộc vào điều kiện mua bán và động thái thị trường tại thời điểm diễn ra giao dịch, mà người mua - người bán sẽ có mức giá hợp lý.
- ~~**Kết quả thẩm định giá trên chỉ được xác nhận cho mục đích nhất định được nêu trong Hợp đồng Dịch vụ thẩm định giá. SIVC không chịu trách nhiệm khi khách hàng sử dụng kết quả thẩm định giá trên cho bất kỳ mục đích nào khác.**~~
- Kết quả thẩm định giá trên chỉ có hiệu lực khi và chỉ khi các bên tham gia Hợp đồng Dịch vụ thẩm định giá hoàn tất các thủ tục về hợp đồng theo luật định. Trong trường hợp có khiếu nại về kết quả thẩm định giá, SIVC chỉ có trách nhiệm giải quyết trong thời hạn có hiệu lực của Chứng thư thẩm định giá nêu trên.
- Kết quả thẩm định giá nêu trên được đề nghị với khách hàng trong điều kiện hạn chế bởi các thông tin mà SIVC thu thập được tại thời điểm thẩm định giá. Trong mọi trường hợp, SIVC không chịu trách nhiệm đối với những vi phạm pháp luật của khách hàng cũng như những thiệt hại khác xảy ra trong giao dịch cụ thể (nếu có).
- SIVC không chịu trách nhiệm về mọi vấn đề liên quan đến chất lượng, số lượng, mẫu mã, ... tài sản đã nêu.
- Chứng thư được coi là một trong những liệu tham khảo tư vấn về giá trị **Làm cơ sở tham khảo để vay vốn ngân hàng**, không có giá trị trong việc xác lập quyền sở hữu tài sản, không thay thế quyết định của các bên liên quan đến tài sản thẩm định giá và việc quyết định mức giá cuối cùng là do cơ quan thẩm quyền, chủ sở hữu tài sản cũng như đối tác sử dụng kết quả thẩm định giá quyết định. SIVC không có trách nhiệm giải quyết bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến vấn đề nêu trên.
- Kết quả thẩm định giá trên chỉ xác nhận giá trị cho máy xúc đào Case biên số 57H-7788, ô tô tải thùng lửng Mitsubishi biên số 51D - 332.59, ô tô khách Toyota biên số 53S-7415 và ô tô con Hyundai biên số 51A -350.90 đã qua sử dụng có đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, số lượng và hiện trạng được mô tả chi tiết như trên theo yêu cầu thẩm định giá của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè tại thời điểm và địa điểm thẩm định giá.

1.2 Những hạn chế của kết quả thẩm định giá:

- Hạn chế về vật chất
 - + Tài sản thẩm định giá thuộc loại chuyên dùng, được thẩm định hiện trạng trong trạng thái tĩnh bằng trực quan từ bên ngoài. Do đó tình trạng kỹ thuật và chất lượng của tài sản không thuộc phạm vi trách nhiệm của SIVC.
- Hạn chế về thị trường:
 - + Thông tin về giá nêu trên được đề nghị với khách hàng trong điều kiện hạn chế bởi các thông tin mà SIVC thu thập được tại thời điểm thẩm định giá.
 - + Mức giá tài sản sẽ không được xác nhận trong trường hợp tài sản có thay đổi về số lượng, khối lượng hoặc thay đổi đặc tính kỹ thuật như: tính đồng bộ, quy cách, thông số kỹ thuật, chất liệu, ... hoặc đặc tính kinh tế như: model, mẫu mã, chất lượng (nếu có).
 - + Mức giá tư vấn nêu trên chỉ được xác nhận tại thời điểm thẩm định giá, với các chính sách quản lý của Nhà Nước hiện tại có liên quan. Trong trường hợp các chính sách của Nhà Nước thay đổi có thể làm cho các mức giá nêu trên thay đổi.

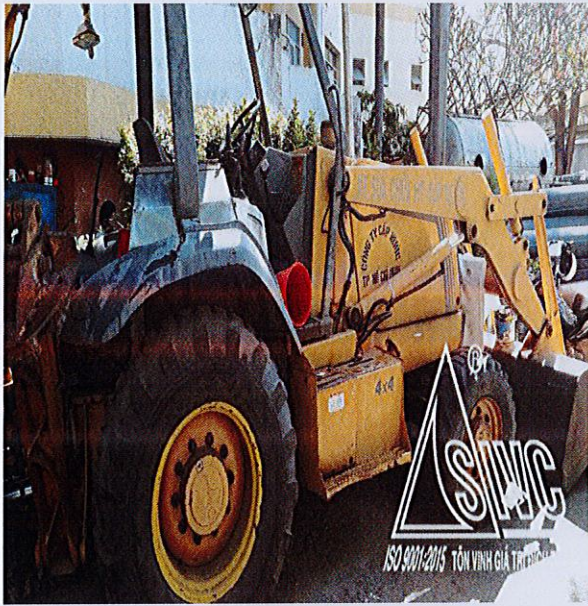
PHỤ LỤC 5: GIỚI HẠN CỦA CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

1. Chứng thư này hoàn toàn được bảo mật. Chỉ bản chính và bản sao Chứng thư thẩm định giá do SIVC cấp mới có giá trị. Mọi hành vi sử dụng bản sao Chứng thư thẩm định giá mà không có xác nhận của SIVC đều vi phạm pháp luật và không có giá trị.
2. Chứng thư thẩm định giá này thuộc quyền sở hữu trí tuệ của SIVC và không được sao chép, bán, xuất bản hoặc phân phát dưới bất kỳ hình thức nào khi không có sự đồng ý trước bằng văn bản của SIVC.
3. Kết quả thẩm định giá chỉ được sử dụng cho một **“Mục đích thẩm định giá”** nhất định theo yêu cầu của khách hàng đã được ghi tại Chứng thư. Khách hàng không được sử dụng sai mục đích thẩm định giá đã yêu cầu.
4. Khách hàng yêu cầu thẩm định giá và người hướng dẫn Thẩm định viên thực hiện thẩm định hiện trạng tài sản phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về thông tin liên quan đến đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, tính năng và tính pháp lý của tài sản thẩm định giá đã cung cấp cho SIVC tại thời điểm và địa điểm thẩm định giá.
5. SIVC **không chịu trách nhiệm** kiểm tra thông tin của những bản sao (bản photo) các giấy tờ liên quan đến tính chất pháp lý của tài sản yêu cầu thẩm định giá so với bản gốc.
6. Thời hạn hiệu lực của kết quả thẩm định giá là: 03 (ba) tháng đối với tài sản là động sản.



PHỤ LỤC ẢNH KÈM THEO CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo chứng thư thẩm định giá số Vc 24/03/05/ĐS-VN, ngày 21/03/2024 của SIVC)



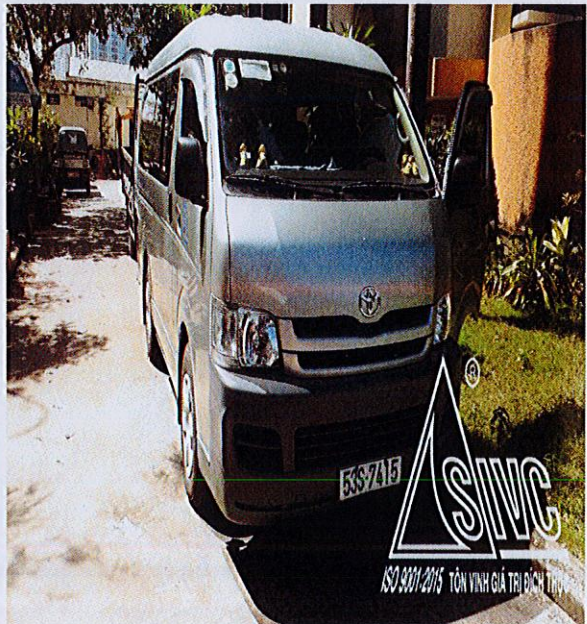
Hình 1: Xe xúc đào biển số 57H-7788



Hình 2: Xe xúc đào biển số 57H-7788



Hình 3: Xe xúc đào biển số 57H-7788



Hình 4: Xe Toyota biển số 53S-7415



Hình 5: Xe Toyota biển số 53S-7415



Hình 6: Taplo xe Toyota biển số 53S-7415



Hình 7: Nội thất xe Toyota biển số 53S-7415



Hình 8: ODO xe Toyota biển số 53S-7415



Hình 9: Xe tải Mitsubishi biển số 51D-332.59



Hình 10: Phía sau xe tải Mitsubishi biển số 51D-332.59

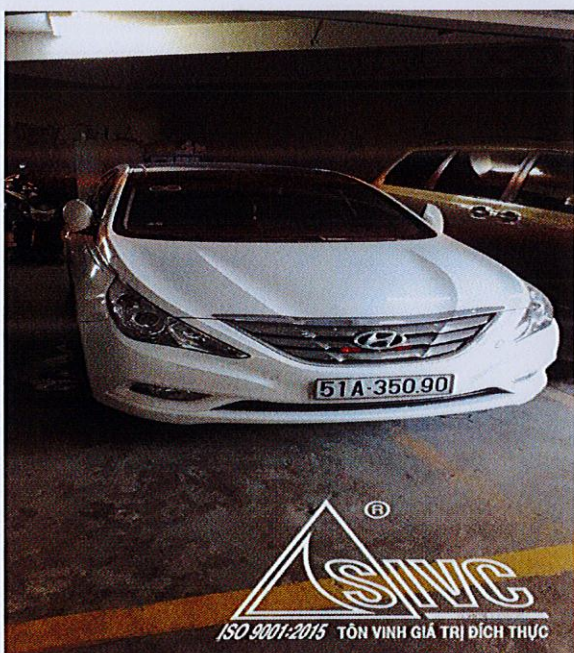
9495
TY
ÔNG TI
INH GI
NAM
CHỈ



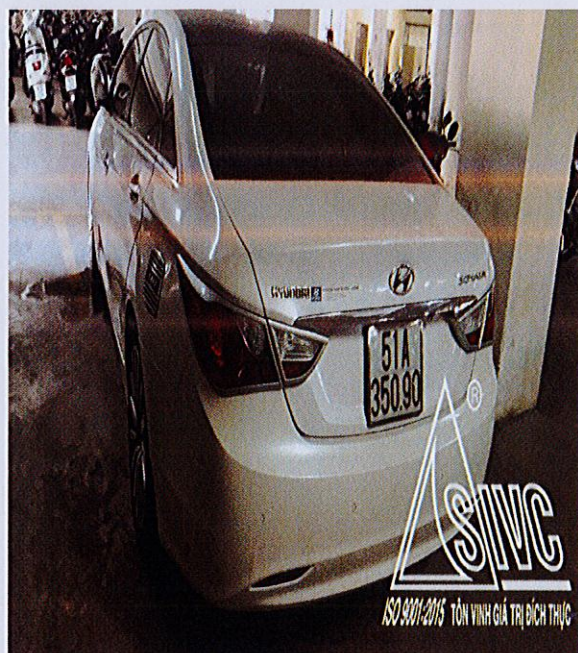
Hình 11: Mặt bên xe tải Mitsubishi
biển số 51D-332.59



Hình 12: Thùng xe tải Mitsubishi
biển số 51D-332.59



Hình 13: Xe Hyundai biển số 51A-350.90



Hình 14: Phía sau xe Hyundai biển số
51A-350.90



Hình 15: Nội thất xe Hyundai
biển số 51A-350.90



Hình 16: ODO xe Hyundai
biển số 51A-350.90

BÁO CÁO THUYẾT MINH KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo chứng thư thẩm định giá số Vc 24/03/05/ĐS-VN, ngày 21/03/2024 của SIVC)

Khách hàng yêu cầu TĐG: Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè.
Địa chỉ: số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 4, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 19001210

Người đại diện: Lý Thành Tài Chức vụ: Giám đốc

Tài sản thẩm định giá:
- Máy xúc đào Case biên số 57H-7788 đã qua sử dụng
- Ô tô tải thùng lửng Mitsubishi biên số 51D – 332.59 đã qua sử dụng.
- Ô tô khách Toyota biên số 53S-7415 đã qua sử dụng.
- Ô tô con Hyundai biên số 51A -350.90 đã qua sử dụng.

Địa điểm thẩm định giá: Văn phòng công ty số 1179 đường Nguyễn Văn Linh, khu phố 4, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Mục đích thẩm định giá: Làm cơ sở tham khảo để thanh lý tài sản theo quy định pháp luật.

Thời điểm thẩm định giá: Tháng 03/2024

1. Các căn cứ pháp lý:

- Giấy yêu cầu thẩm định giá ngày 26/01/2024 của Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè.
- Hợp đồng Dịch vụ thẩm định giá số 24-0051/HĐDV - PN - VN ngày 04/03/2024.

Công ty Cổ phần Thông tin và Thẩm định giá miền Nam (SIVC) đã tiến hành thẩm định hiện trạng, thu thập và xử lý thông tin thị trường liên quan đến giá trị tài sản thẩm định giá tại thời điểm tháng 03/2024 theo yêu cầu thẩm định giá của Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

2. Cơ sở thẩm định giá:

2.1 Cơ sở giá trị: Căn cứ vào mục đích thẩm định giá, đặc điểm pháp lý, đặc điểm kinh tế, kỹ thuật và đặc điểm thị trường của tài sản thẩm định giá, SIVC xác định cơ sở giá trị:

- Giá trị phi thị trường - Theo TĐGVN 03 (Giá trị tài sản chuyên dùng)
- *Giá trị phi thị trường là mức giá ước tính của một tài sản tại thời điểm, địa điểm thẩm định giá, không phản ánh giá trị thị trường mà căn cứ vào đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, chức năng, công dụng của tài sản, những lợi ích mà tài sản mang lại trong quá trình sử dụng, giá trị đối với một số người mua đặc biệt, giá trị khi giao dịch trong điều kiện hạn chế, giá trị đối với một số mục đích thẩm định giá đặc biệt và các giá trị không phản ánh giá trị thị trường khác. Giá trị phi thị trường bao gồm: giá trị tài sản bắt buộc phải bán, giá trị đặc biệt, giá trị đầu tư, giá trị để tính thuế hoặc các giá trị khác”.*
- “Giá trị tài sản chuyên dùng là giá trị tài sản do có tính chất đặc biệt, chỉ được sử dụng hạn hẹp cho một mục đích hoặc một đối tượng sử dụng nào đó nên có hạn chế về thị trường.”

2.2 Các nguyên tắc và các cách tiếp cận, phương pháp thẩm định giá:

2.2.1 Các nguyên tắc: Theo TĐGVN 04 (Theo Thông tư 158/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014).

- Nguyên tắc thay thế.



- Nguyên tắc đóng góp.
- Nguyên tắc cung cầu.
- Nguyên tắc sử dụng tốt nhất và hiệu quả nhất.

2.2.2 Các cách tiếp cận (Theo Thông tư 126/2015/TT-BTC ngày 20/08/2015).

➤ Biện luận về việc sử dụng cách tiếp cận, phương pháp thẩm định giá:

- Căn cứ Nghị định 89/2013/NĐ-CP ngày 06/08/2013 và Thông tư 126/2015/TT-BTC ngày 20/08/2015: Sau khi xem xét các đặc điểm của tài sản thẩm định giá, phân tích thị trường và động thái người mua, SIVC chọn phương pháp pháp so sánh – Tiêu chuẩn TĐGVN 08 – cách tiếp cận từ thị trường để xác định giá trị máy móc thiết bị là phương pháp chính. Đồng thời, do hạn chế về thông tin thu thập và số liệu đầu vào nên các phương pháp khác không đủ cơ sở để tính toán.

➤ Phương pháp thẩm định giá được áp dụng:

- Phương pháp so sánh – Tiêu chuẩn TĐGVN 08 - Cách tiếp cận từ thị trường.

3. Ứng dụng phương pháp để xác định kết quả:

Căn cứ vào các cơ sở pháp lý, cơ sở giá trị, nguyên tắc và cách tiếp cận, SIVC chọn phương pháp thẩm định giá như sau:

- + Căn cứ Khoản 1, Điều 29 của Luật giá số 11/2012/QH13, ngày 20/06/2012 quy định: Nguyên tắc hoạt động thẩm định giá tuân thủ pháp luật, tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam.
- + Căn cứ Thông tư số 158/2014/TT-BTC, ngày 27/10/2014 của Bộ Tài Chính về việc ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 01, 02, 03 và 04.
- + Căn cứ Khoản 4 của Thông tư 28/2015/TT-BTC ngày 06/03/2015 của Bộ Tài chính về việc ban hành Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05, 06 và 07; Khảo sát thực tế thu thập thông tin: Các nguồn thông tin thu thập, phục vụ cho quá trình thẩm định giá bao gồm: thông tin do khách hàng cung cấp; thông tin từ kết quả khảo sát thực tế; thông tin từ các giao dịch mua bán tài sản trên thị trường (ví dụ: giá thực mua bán, giá chào bán, giá chào mua, điều kiện mua bán, khối lượng giao dịch, thời gian giao dịch, địa điểm giao dịch); thông tin trên các phương tiện truyền thông của địa phương, trung ương và của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; thông tin trên các văn bản thể hiện tính pháp lý về quyền của chủ sở hữu, về các đặc tính kinh tế - kỹ thuật của tài sản, về quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của vùng, miền có liên quan đến tài sản.

Căn cứ Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 8 – Cách tiếp cận từ thị trường: *“Tài sản so sánh là tài sản giống hệt hoặc tài sản tương tự với tài sản thẩm định giá đã giao dịch thành công hoặc được chào mua hoặc được chào bán trên thị trường với địa điểm giao dịch, chào mua, chào bán tương tự với tài sản thẩm định giá vào thời điểm thẩm định giá hoặc gần thời điểm thẩm định giá.”*

PHỤ LỤC 3: KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

Đvt: đồng

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy xúc đào Case, biển số 57H – 7788	Chiếc	01	225.409.000	225.409.000
2	Xe ô tô tải thùng lửng MITSUBISHI CANTER, biển số 51D – 332.59	Chiếc	01	83.315.000	83.315.000
3	Xe ô tô khách Toyota Hiace, biển số 53S – 7415	Chiếc	01	200.760.000	200.760.000
4	Xe ô tô con HYUNDAI SONATA, biển số 51A – 350.90	Chiếc	01	334.744.000	334.744.000
Cộng					844.228.000

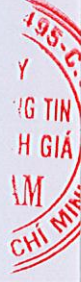


DIỄN GIẢI KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

1. Xe xúc đào, biển số 57H - 7778 đã qua sử dụng

Stt	Đặc điểm tài sản	Tài sản thẩm định giá	TSSS 1	TSSS 2	TSSS 3
I	Thông tin thu thập	Xe xúc đào, biển số 57H-7778 đã qua sử dụng.			
1	Nguồn tin		https://machineryline.com.vn/-/doanh-thu/may-xuc-do-lin-hp/Case/580-SUPER-LE-Ride-Control-4x4-22120211141360631700	Người liên hệ: ông Phương Điện thoại: 0913923743	Người liên hệ: ông Phương Điện thoại: 0913923743
2	Thời điểm thu thập	Tháng 01/2024	Tháng 01/2024	Tháng 01/2024	Tháng 01/2024
3	Loại xe	Xe xúc đào	Xe xúc đào	Xe xúc đào	Xe xúc đào
4	Nhãn hiệu	CASE	CASE	CASE	CATER
5	Tình trạng tài sản	đã qua sử dụng	chưa qua sử dụng tại Việt Nam	đã qua sử dụng	đã qua sử dụng
6	Nước sản xuất	Mỹ	Mỹ	Mỹ	Mỹ
7	Tình trạng tài sản	Tình trạng: Dàn đồng chưa thấy biến dạng, lớp sơn bảo vệ trung bình khá, gàu ri sét nhưng chưa biến dạng, cabin khung thép không vách, lớp mòn trung bình, mâm ri sét trung bình. xe không khởi động được.	Tình trạng: Xe đã dùng	Tình trạng: Xe đã dùng	Tình trạng: Xe đã dùng
8	Giá thu thập (đồng)		414.246.346	365.000.000	350.000.000

"Thẩm định viên đảm bảo tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, không bị chi phối hoặc bị tác động bởi bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào làm ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan của hoạt động thẩm định giá và kết quả thẩm định giá" (Thông tư số 158/2014/TT-BTC - TC TĐG VN 01)
O: 08. Ban NV34. xinh.vn\Xinh.TrungVam\VI\CV\NAM 2024\THANG 3\vc 24-03-05-DS-VN (Cấp nước nhà bè)\THUYET MINH.docx



Stt	Đặc điểm tài sản	Tài sản thẩm định giá	TSSS 1	TSSS 2	TSSS 3
II	Thực hiện điều chỉnh Mức giá bị trừ khi TSSS lợi thế hơn tài sản thẩm định giá và ngược lại		Quy ước theo hiện trạng xe và giao dịch trên thị trường, điều chỉnh: - Ngoại thất: 5% - Chassis ri sét, sơn bong tróc: 5%-10%		
A	Giảm giá ước tính (Giá thương lượng)		393.534.029	328.500.000	332.500.000
B	Điều chỉnh theo các yếu tố so sánh				
1	Tình trạng tài sản		đã qua sử dụng	đã qua sử dụng	đã qua sử dụng
	Tỷ lệ điều chỉnh		0,00%	0,00%	0,00%
	Mức điều chỉnh (đ)		0	0	0
	Giá sau điều chỉnh (đ)		393.534.029	328.500.000	332.500.000
2	Ngoại thất	Lốp, gàu, dàn đồng, cabin	Tốt hơn	Tốt hơn	Tốt hơn
	Tỷ lệ điều chỉnh		-5,00%	-5,00%	-5,00%
	Mức điều chỉnh (đ)		-19.676.701	-16.425.000	-16.625.000
	Giá sau điều chỉnh (đ)		373.857.328	312.075.000	315.875.000
3	Công suất máy (Kw)	53	67	71	71
	Tỷ lệ điều chỉnh	0,53	-13%	-17%	-17%
	Mức điều chỉnh (đ)	1%	-51.976.193	-56.557.783	-56.462.264
	Giá sau điều chỉnh (đ)	5.480	321.881.135	255.517.217	259.412.736
4	Khối lượng tịnh (kg)	54,80	8.500	5.892	6.792
	Tỷ lệ điều chỉnh	1%	-27,55%	-3,76%	-11,97%
	Mức điều chỉnh (đ)		-108.437.296	-12.343.040	-39.802.920
	Giá sau điều chỉnh (đ)		213.443.839	243.174.177	219.609.816
C	Mức giá chỉ dẫn		213.443.839	243.174.177	219.609.816

Stt	Đặc điểm tài sản	Tài sản thẩm định giá	TSSS 1	TSSS 2	TSSS 3
1	Giá trị trung bình của mức giá chi dẫn (đ)			225.409.277	
	Xác định mức giá cho TSTP			225.409.000	
2	Mức độ chênh lệch với giá trị trung bình của các mức giá chi dẫn		-5,31%	7,88%	-2,57%
D	Tổng hợp các số liệu điều chỉnh tại mục C				
1	Tổng giá trị điều chỉnh góp (đ)		128.113.998	28.768.040	56.427.920
2	Tổng số lần điều chỉnh (lần)		3	2	2
3	Biên độ điều chỉnh (%)		5% - 10%	5% - 10%	5% - 10%
4	Tổng giá trị điều chỉnh thuần (đ)		-128.113.998	-28.768.040	-56.427.920

2. Ô tô tải thùng lửng, biển số 51D-332.59 đã qua sử dụng

Stt	Đặc điểm tài sản	Tài sản thẩm định giá	TSSS 1	TSSS 2	TSSS 3
I	Thông tin thu thập	Ô tô tải, biển số 51D-332.59 đã qua sử dụng.	TSSS 1	TSSS 2	TSSS 3
1	Nguồn tin		<p>https://xe.chotot.com/mua-ban-xe-tai-xe-ben-huyen-minh/107882247.htm</p> <p>Người liên hệ: Huỳnhductrong Điện thoại: 0935363902 Địa chỉ: Thị trấn Tân túc, huyện Bình Chánh, Tp.HCM</p>	<p>https://xe.chotot.com/mua-ban-xe-tai-xe-ben-thanh-pho-bien-hoa-dong-nai/112527835.htm</p> <p>Người liên hệ: Mr.Nam Điện thoại: 0333825010 Địa chỉ: Phường Tam Phước, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai</p>	<p>https://khoxehoi.com/xe-mitsubishi-canter-binh-duong/tai-19-tan-thung-dai-3m1-aid2117613</p> <p>Người liên hệ: Nguyễn Văn Tâm Điện thoại: 0969023360 Địa chỉ: 155 QL13, khu phố Đông ba, P.Bình Hòa, Tp. Thuận An, Bình Dương</p>

“Thẩm định viên đảm bảo tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, không bị chi phối hoặc bị tác động bởi bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào làm ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan của hoạt động thẩm định giá và kết quả thẩm định giá” (Thông tư số 158/2014/TT-BTC – TC TĐG VN 01)

O: 008, Ban NV3/4, xinh.vn/Xinh.TruongVan/VTC.NAM 2024/THANG 3/Vc 24-03-05-DS-VN (Cấp nước nhà bệ) THUYET MINH.docx

Trang 6/15



Stt	Đặc điểm tài sản	Tài sản thẩm định giá	TSSS 1	TSSS 2	TSSS 3
2	Thời điểm thu thập	Tháng 01/2024	Tháng 01/2024	Tháng 01/2024	Tháng 01/2024
3	Loại xe	Ô tô tải thùng lửng	Ô tô tải thùng lửng	Ô tô tải thùng lửng	Ô tô tải thùng lửng
4	Nhãn hiệu	MITSUBISHI	MITSUBISHI	MITSUBISHI	MITSUBISHI
5	Số loại	CANTER	CANTER	CANTER	CANTER
6	Năm sản xuất	2003	2004	2004	2006
7	Nước sản xuất	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
8	Loại nhiên liệu	Diesel	Diesel	Diesel	Diesel
9	Số chỗ ngồi	03 chỗ	03 chỗ	03 chỗ	03 chỗ
10	Khối lượng toàn bộ theo TK (Kg)	4300	4600	4630	4600
12	Tình trạng tài sản	Lớp sơn trầy xước, vô lăng, ghế bọc simili đã cũ. Thùng tải bong tróc, rỉ sét nhiều nơi, lớp mòn trung bình, khung gầm chưa thấy biến dạng. Đền, kính lái và kính chiếu hậu đầy đủ	Tình trạng: Xe đã qua sử dụng Số Km đã đi: 123.000 Km Động cơ: Diesel	Tình trạng: Xe đã qua sử dụng Động cơ: Diesel	Tình trạng: Xe đã qua sử dụng Số Km đã đi: 100.000 Km Động cơ: Diesel
13	Giá thu thập (đồng)		96.000.000	104.000.000	125.000.000
II	Thực hiện điều chỉnh Mức giá bị trừ khi TSSS lợi thế hơn tài sản thẩm định giá và ngược lại		Quy ước theo hiện trạng xe và giao dịch trên thị trường: - Điều chỉnh năm sản xuất: 5%/ năm - Điều chỉnh về nội thất: nệm ghế xuống cấp, bong rách, taplo hờ: 1-2% - Điều chỉnh về ngoại thất: Xe trầy xước màu sơn, bong tróc, lớp xe mòn: 1-2% - Điều chỉnh về động cơ, khung gầm: động cơ ri nhớt, khung gầm rỉ sét: 2-4% - Điều chỉnh thùng mui bạc 5.000.000 đ		
A	Giảm giá ước tính (Giá thương lượng)	95%	91.200.000	98.800.000	118.750.000

“Thẩm định viên đảm bảo tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, không bị chi phối hoặc bị tác động bởi bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào làm ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan của hoạt động thẩm định giá và kết quả thẩm định giá” (Thông tư số 158/2014/TT-BTC – TC TDG VN 01)

O:\08_Ban NV3\4_xinh.n\Xinh.Truong\an\VI\CV\NAM 2024\THANG 3\vc 24-03-03-DS-1\N (Cấp nước nhà bè)\THUYET MINH.docx

Trang 7/15

1/P
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Stt	Đặc điểm tài sản	Tài sản thẩm định giá	TSSS 1	TSSS 2	TSSS 3
B	Điều chỉnh theo các yếu tố so sánh				
1	Năm sản xuất	2003	2004	2004	2006
	Tỷ lệ điều chỉnh	5%	-5%	-5%	-15%
	Mức điều chỉnh (đ)		-4.560.000	-4.940.000	-17.812.500
	Giá sau điều chỉnh (đ)		86.640.000	93.860.000	100.937.500
	Nội thất		Tốt hơn	Tốt hơn	Tốt hơn
	Tỷ lệ điều chỉnh		-2,00%	-2,00%	-2,00%
2	Mức điều chỉnh (đ)		-1.824.000	-1.976.000	-2.375.000
	Giá sau điều chỉnh (đ)		84.816.000	91.884.000	98.562.500
	Ngoại thất	Thùng tải bong tróc, rỉ sét nhiều nơi, lớp mòn trung bình	Tốt hơn	Tốt hơn	Tốt hơn
3	Tỷ lệ điều chỉnh		-1,00%	-1,00%	-1,00%
	Mức điều chỉnh (đ)		-912.000	-988.000	-1.187.500
	Giá sau điều chỉnh (đ)		83.904.000	90.896.000	97.375.000
	Khung gầm+động cơ		Tương đương	Tương đương	Tương đương
	Tỷ lệ điều chỉnh		0,00%	0,00%	0,00%
4	Mức điều chỉnh (đ)		0	0	0
	Giá sau điều chỉnh (đ)		83.904.000	90.896.000	97.375.000
	Khối lượng toàn bộ theo TK	4.300	4.600	4.630	4.600
5	Tỷ lệ điều chỉnh	1%	-7,0%	-7,7%	-7,0%
	Mức điều chỉnh (đ)	43	-6.362.791	-7.582.326	-8.284.884
	Giá sau điều chỉnh (đ)		77.541.209	83.313.674	89.090.116
C	Mức giá chỉ dẫn (đ)		77.541.209	83.313.674	89.090.116

“Thẩm định viên đảm bảo tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, không bị chi phối hoặc bị tác động bởi bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào làm ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan của hoạt động thẩm định giá và kết quả thẩm định giá” (Thông tư số 158/2014/TT-BTC – TC TĐG VN 01).

O: 08. Ban NV3-V. xinh.vn\Xinh.TruongVanVIPC\NAM 2024\THANG 3\VC 24-03-05-DS-VN (Cấp nước nhà bè)\THUYET MINH.docx

Trang 8/15

HỒ
G T
THỜI
ĐỊNH
V N

Stt	Đặc điểm tài sản	Tài sản thẩm định giá	TSSS 1	TSSS 2	TSSS 3
1	Giá trị trung bình của mức giá chỉ dẫn (đ)			83.315.000	
	Xác định mức giá cho TSTD			83.315.000	
2	Mức độ chênh lệch với giá trị trung bình của các mức giá chỉ dẫn		-6,93%	0,00%	6,93%
D	Tổng hợp các số liệu điều chỉnh tại mục C				
1	Tổng giá trị điều chỉnh góp (đ)		13.658.791	15.486.326	29.659.884
2	Tổng số lần điều chỉnh (lần)		3	3	3
3	Biên độ điều chỉnh (%)		0% - 7%	0% - 15%	0% - 1%
4	Tổng giá trị điều chỉnh thuần (đ)		71.157.209	76.397.674	68.902.616

3. Ô tô khách TOYOTA HIACE, biển số 53S-7415 đã qua sử dụng

Stt	Đặc điểm tài sản	Tài sản thẩm định giá	TSSS 1	TSSS 2	TSSS 3
I	Thông tin thu thập	Xe ô tô TOYOTA HIACE, biển số 53S-7415 đã qua sử dụng.	https://xe.chotot.com/mua-ban-oto-quan-7-tp-ho-chi-minh/112035712.htm	https://xe.chotot.com/mua-ban-oto-huyen-binh-chanh-tp-ho-chi-minh/111363704.htm	https://oto.com.vn/mua-ban-xe-toyota-hiace-ha-noi/odo-48-van-aidxc22939778
1	Nguồn tin		Người liên hệ: Tuấn Trần. Điện thoại: 0918103569 Địa chỉ: 450 đường Lê văn Lương, p. Tân Phong, Q7,	Người liên hệ: Quốc Bảo Điện thoại: 0902888799 Địa chỉ: Xã Phong Phú, huyện Bình Chánh,	Người liên hệ: TUẤN TRẦN Điện thoại: 0918103569 Địa chỉ: Phường Tân

"Thẩm định viên đảm bảo tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, không bị chi phối hoặc bị tác động bởi bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào làm ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan của hoạt động thẩm định giá và kết quả thẩm định giá" (Thông tư số 158/2014/TT-BTC – TC TĐG VN 01)
O: 08. Ban NV3/4. xinh.vn\Xinh.TrungVan\TTC\NAM 2024\THANG 3\vc 24-03-05-DS-VN (Cấp nước nhà bê)\THUYET MINH.docx

11/3/2024 10:00 AM

Stt	Đặc điểm tài sản	Tài sản thẩm định giá	TSSS 1	TSSS 2	TSSS 3
			Tp.HCM	Tp.HCM	Phong, Quận 7, Tp HCM
2	Thời điểm thu thập	Tháng 01/2024	Tháng 01/2024	Tháng 01/2024	Tháng 01/2024
3	Loại xe	Ô tô khách	Ô tô khách	Ô tô khách	Ô tô khách
4	Nhãn hiệu	TOYOTA	TOYOTA	TOYOTA	TOYOTA
5	Số loại	HIACE	HIACE	HIACE	HIACE
6	Năm sản xuất	2009	2009	2009	2009
7	Nước sản xuất	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
8	Loại nhiên liệu	Xăng	Xăng	Xăng	Xăng
9	Số chỗ ngồi	16 chỗ	16 chỗ	16 chỗ	16 chỗ
10	Trang thiết bị nội thất trên xe	Theo xe	Theo xe	Theo xe	Theo xe
12	Tình trạng tài sản	Dàn đồng chưa thấy biến dạng, lớp sơn trung bình, lớp kính - đèn đầy đủ. Nội thất vệ sinh cũ sạch sẽ, ODO: 124.789 km	Xuất xứ: Trong nước Tình trạng: Xe đã dùng Số Km đã đi: 168.000 Km Số chỗ ngồi: 16 chỗ Động cơ: Xăng Hộp số: Số sàn	Xuất xứ: Trong nước Tình trạng: Xe đã dùng Số Km đã đi: 90.000 Km Số chỗ ngồi: 16 chỗ Động cơ: Xăng Hộp số: Số sàn	Xuất xứ: Trong nước Tình trạng: Xe đã dùng Số Km đã đi: 168.000 Km Số chỗ ngồi: 16 chỗ Động cơ: Xăng Hộp số: Số sàn
13	Giá thu thập (đồng)		195.000.000	215.000.000	215.000.000
II	Thực hiện điều chỉnh Mức giá bị trừ khi TSSS lợi thế hơn tài sản thẩm định giá và ngược lại		Quy ước theo hiện trạng xe và giao dịch trên thị trường: - Điều chỉnh về nội thất: nệm ghế xuống cấp, bong rách: 1-2% - Điều chỉnh về ngoại thất: Xe trầy xước màu sơn, lớp xe mòn: 1-2% - Điều chỉnh về động cơ, khung gầm: động cơ ri nhớt, khung gầm ri sét: 2-4% - Điều chỉnh mỗi 12.000 km: 1%		
A	Giảm giá ước tính (Giá thương lượng)		185.250.000	204.250.000	204.250.000

“Thẩm định viên đảm bảo tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, không bị chi phối hoặc bị tác động bởi bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào làm ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan của hoạt động thẩm định giá và kết quả thẩm định giá” (Thông tư số 158/2014/TT-BTC – TC TDG VN 01)

O: 008, Ban NV3/4, xính.n\Xính.Trong\an\VI\CN\AM 2024\THANG 3\VC 24-03-05-DS-1\N (Cấp nước nhà bè)\THUYET MINH.docx

Trang 10/15



Stt	Đặc điểm tài sản	Tài sản thẩm định giá	TSSS 1	TSSS 2	TSSS 3
B	Điều chỉnh theo các yếu tố so sánh				
	Nội thất		Tương đương	Tương đương	Tương đương
1	Tỷ lệ điều chỉnh		0,00%	0,00%	0,00%
	Mức điều chỉnh (đ)		0	0	0
	Giá sau điều chỉnh (đ)		185.250.000	204.250.000	204.250.000
	Ngoại thất		Tương đương	Tương đương	Tương đương
2	Tỷ lệ điều chỉnh		0,00%	0,00%	0,00%
	Mức điều chỉnh (đ)		0	0	0
	Giá sau điều chỉnh (đ)		185.250.000	204.250.000	204.250.000
	Khung gầm+động cơ		Tương đương	Tương đương	Tương đương
3	Tỷ lệ điều chỉnh		0,00%	0,00%	0,00%
	Mức điều chỉnh (đ)		0	0	0
	Giá sau điều chỉnh (đ)		185.250.000	204.250.000	204.250.000
	Số Km hoạt động	124.789	168.000	90.000	168.000
4	Tỷ lệ điều chỉnh	1%	3,60%	-2,90%	3,60%
	Mức điều chỉnh (đ)	12.000	7.021.788	-6.233.029	7.741.971
	Giá sau điều chỉnh (đ)		192.271.788	198.016.971	211.991.971
C	Mức giá chỉ dẫn		192.271.788	198.016.971	211.991.971
1	Giá trị trung bình của mức giá chỉ dẫn (đ)			200.760.243	
	Xác định mức giá cho TSTD			200.760.000	
2	Mức độ chênh lệch với giá trị trung bình của các mức giá chỉ dẫn		-4,23%	-1,37%	5,59%

“Thẩm định viên đảm bảo tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, không bị chi phối hoặc bị tác động bởi bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào làm ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan của hoạt động thẩm định giá và kết quả thẩm định giá” (Thông tư số 158/2014/TT-BTC – TC TĐG VN 01)

O:\08_Ban NV3\4_xinh.n\Xinh.Truong\Van\TTC\NAM 2024\THÁNG 3\Vc 24-03-05-DS-VN (Cấp nước nhà bè)\THUYET MINH.docx

Trang 11/15



Stt	Đặc điểm tài sản	Tài sản thẩm định giá	TSSS 1	TSSS 2	TSSS 3
D	Tổng hợp các số liệu điều chỉnh tại mục C				
1	Tổng giá trị điều chỉnh góp (đ)		7.021.788	6.233.029	7.741.971
2	Tổng số lần điều chỉnh (lần)		1	1	1
3	Biên độ điều chỉnh (%)		0%-3,6%	0%-2,9%	0%-3,6%
4	Tổng giá trị điều chỉnh thuần (đ)		7.021.788	-6.233.029	7.741.971

4. Ô tô con HYUNDAI SONATA, biển số 51S-350.90 đã qua sử dụng

Stt	Đặc điểm tài sản	Tài sản thẩm định giá	TSSS 1	TSSS 2	TSSS 3
I	Thông tin thu thập	Xe ô tô HYUNDAI SONATA, biển số 51S-350.90 đã qua sử dụng.	https://bonbanh.com/xe-hyundai-sonata-2.0-at-2012-5328518	https://bonbanh.com/xe-hyundai-sonata-2.0-at-2012-5389420	https://sanbonbanh.com/sellcar/hyundai-sonata/Hyundai-Sonata-2-0-AT-2012-540215.html
1	Nguồn tin		Người liên lạc: Auto Linh Nguyên Điện thoại: 0905827579 Địa chỉ: 410 Trần Hưng Đạo, Tp.Kontum	Người liên lạc: Anh Hùng Điện thoại: 0921966547 Địa chỉ: Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Tp.HCM	Người liên lạc: Phungvien Điện thoại: 0906383368 Địa chỉ: Quận Phú Nhuận, Tp.HCM
2	Thời điểm thu thập	Tháng 01/2024	Tháng 01/2024	Tháng 01/2024	Tháng 01/2024
3	Loại xe	Ô tô con	Ô tô con	Ô tô con	Ô tô con
4	Nhãn hiệu	HUYNDAI	HUYNDAI	HUYNDAI	HUYNDAI
5	Số loại	SONATA	SONATA	SONATA	SONATA
6	Năm sản xuất	2012	2012	2012	2012

“Thẩm định viên đảm bảo tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, không bị chi phối hoặc bị tác động bởi bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào làm ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan của hoạt động thẩm định giá và kết quả thẩm định giá” (Thông tư số 158/2014/TT-BTC – TC TDG VN 01)

O: 008. Ban NV3-4, xính.n.v.Xính.TrungVan.VTC.NAM 2024.THÁNG 3 Vc 24-03-05-DS-1VN (Cấp nước nhà bè) THUYET MINH.docx

Trang 12/15

10/03/2024

Stt	Đặc điểm tài sản	Tài sản thẩm định giá	TSSS 1	TSSS 2	TSSS 3
7	Nước sản xuất	Hàn Quốc	Hàn Quốc	Nhập khẩu	Hàn Quốc
8	Loại nhiên liệu	Xăng	Xăng	Xăng	Xăng
9	Số chỗ ngồi	5 chỗ	5 chỗ	5 chỗ	5 chỗ
10	Trang thiết bị nội thất trên xe	Theo xe	Theo xe	Theo xe	Theo xe
11	Màu xe	Màu trắng	Màu bạc	Màu xám	Màu xám
12	Tình trạng tài sản	Màu sơn trắng, lớp khá, kính chỉnh điện, hệ thống đèn đầy đủ, ODO 132.137 km, dàn lạnh hoạt động bình thường, ghé nệm. Nội thất sạch sẽ.	Tình trạng: Xe đã dùng Số Km đã đi: 70.000 Km Màu ngoại thất: Bạc Màu nội thất: Ghi Số cửa: 4 cửa Hộp số: Tự động	Tình trạng: Xe đã dùng Số Km đã đi: 112.100 Km Màu ngoại thất: khác Màu nội thất: khác Số cửa: 4 cửa Hộp số: Tự động	Tình trạng: Xe đã dùng Số Km đã đi: 153.000 Màu ngoại thất: xám Màu nội thất: Ghi Số cửa: 4 cửa Hộp số: Tự động
13	Giá thu thập (đồng)		365.000.000	345.000.000	380.000.000
II	Thực hiện điều chỉnh Mức giá bị trừ khi TSSS lợi thế hơn tài sản thẩm định giá và ngược lại		<p>Quy ước theo hiện trạng xe và giao dịch trên thị trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều chỉnh về nội thất: nệm ghé xuống cấp, bong rách: 1-2% - Điều chỉnh về ngoại thất: Xe trầy xước màu sơn, lớp xe mòn: 1-2% - Điều chỉnh về động cơ, khung gầm: động cơ rỉ nhớt, khung gầm rỉ sét: 2-4% - Điều chỉnh mỗi 12.000 km: 1% 		
A	Giảm giá ước tính (Giá thương lượng)		346.750.000	327.750.000	361.000.000
B	Điều chỉnh theo các yếu tố so sánh				
1	Nội thất		Tương đương	Tương đương	Tương đương
	Tỷ lệ điều chỉnh		0,00%	0,00%	0,00%
	Mức điều chỉnh (đ)		0	0	0
2	Giá sau điều chỉnh (đ)		346.750.000	327.750.000	361.000.000
	Ngoại thất		Tương đương	Tương đương	Tương đương

"Thẩm định viên đảm bảo tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, không bị chi phối hoặc bị tác động bởi bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tình thân nào làm ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan của hoạt động thẩm định giá và kết quả thẩm định giá" (Thông tư số 158/2014/TT-BTC - TC TĐG VN 01)

Stt	Đặc điểm tài sản	Tài sản tham định giá	TSSS 1	TSSS 2	TSSS 3
	Tỷ lệ điều chỉnh		0,00%	0,00%	0,00%
	Mức điều chỉnh (đ)		0	0	0
	Giá sau điều chỉnh (đ)		346.750.000	327.750.000	361.000.000
3	Khung gầm+động cơ		Tương đương	Tương đương	Tương đương
	Tỷ lệ điều chỉnh		0,00%	0,00%	0,00%
	Mức điều chỉnh (đ)		0	0	0
	Giá sau điều chỉnh (đ)		346.750.000	327.750.000	361.000.000
4	Số Km hoạt động	132.137	70.000	112.100	153.000
	Tỷ lệ điều chỉnh	1%	-5,18%	-1,67%	-1,74%
	Mức điều chỉnh (đ)	12.000	-18.900.004	-5.760.638	-6.606.617
	Giá sau điều chỉnh (đ)		327.849.996	321.989.363	354.393.383
C	Mức giá chỉ dẫn		327.849.996	321.989.363	354.393.383
	Giá trị trung bình của mức giá chỉ dẫn (đ)		334.744.247		
	Xác định mức giá cho TSTD		334.744.000		
2	Mức độ chênh lệch với giá trị trung bình của các mức giá chỉ dẫn		-2,06%	-3,81%	5,87%
D	Tổng hợp các số liệu điều chỉnh tại mục C				
	1	Tổng giá trị điều chỉnh gộp (đ)	18.900.004	5.760.638	6.606.617
	2	Tổng số lần điều chỉnh (lần)	1	1	1
	3	Biên độ điều chỉnh (%)	5,18%	1,67%	1,74%
4	Tổng giá trị điều chỉnh thuần (đ)		-18.900.004	-5.760.638	-6.606.617

“Thẩm định viên đảm bảo tính độc lập về chuyên môn nghiệp vụ, không bị chi phối hoặc bị tác động bởi bất kỳ lợi ích vật chất hoặc tinh thần nào làm ảnh hưởng đến sự trung thực, khách quan của hoạt động thẩm định giá và kết quả thẩm định giá” (Thông tư số 158/2014/TT-BTC – TC TĐG VN 01)



Tỷ giá ngoại tệ quân ngày 19/02/2024 tại các ngân hàng:

	Vietinbank	Vietcombank	Bidv	Bình quân	Đvt
	27.059,00	27.192,06	27.239,00	27.163,35	đ/Eur

Nhận xét chung:

Tài sản thẩm định giá thuộc loại chuyên dùng, có chào bán trên thị trường. Tùy theo hiện trạng và tâm lý người mua, người bán mà mức giá có sự khác biệt. Tổ TĐG ước giảm giá chào bán như trên.



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

BẢN SAO

Mã số doanh nghiệp: 0304789298

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 01 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 14 tháng 08 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHA BE WATER SUPPLY JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt: NHA BE WASUCO JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

1179 đường Nguyễn Văn Linh, Khu phố 4, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ
Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 1900 1210

Fax: (028) 54122500

Email:

Website: www.capnuocnhabe.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 109.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm lẻ chín tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần:

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LÝ THÀNH TÀI

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/05/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 087078000020

Ngày cấp: 10/05/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL cư trú và DLQG về
dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 257/8/5 Nguyễn Thị Thập, Khu phố 2, Phường Tân
Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 257/8/5 Nguyễn Thị Thập, Khu phố 2, Phường Tân Phú, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Số chứng thực cá nhân: 087078000020, Quyền số: 02.....SCT/BS



Lý Văn Đức



LÝ THÀNH TÀI

Được quét bằng CamScanner





**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **014** /QĐ-CNNB-TCHC

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH


Về việc thanh lý tài sản cố định

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

- Căn cứ quyết định số 6659/QĐ-UBND ngày 30/12/2005 về phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh cấp nước Nhà Bè thuộc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Nhà;
- Căn cứ theo Biên bản số 33/BB-TCHC ngày 18/01/2024 của Phòng TCHC về việc Hợp Hội đồng thanh lý tài sản cố định;
- Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay thanh lý xe xúc đào hiệu Case biển số 57H-7788, Xe Toyota Hiace biển số 53S-7415, Xe Mitsubishi biển số 51D-332.59 và xe Hyundai biển số 51A-350.90 của Công ty cổ phần Cấp nước Nhà Bè.

Điều 2. Các Ông, Bà Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Kế toán Tài chính, Phòng, Ban, liên quan căn cứ quyết định thi hành kể từ ngày ký 

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ban GD Cty (để báo cáo);
- Lưu VT.



GIÁM ĐỐC 

Lý Thành Tài



CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC NHÀ BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **0401**/DMTĐ-CNNB-TCHC

TP. Hồ Chí Minh, ngày *24* tháng *1* năm 2024

DANH MỤC THẨM ĐỊNH

STT	tên tài sản	đơn vị tính	Số lượng	Năm đưa vào sử dụng	Giá trị so sánh		
					Nguyên giá	khấu hao	giá trị còn lại
1	xe xúc đào hiệu Case biển số 57H-7788	Xe	1	2000	598.500.000		0
2	Toyota Hiace biển số 53S-7415	Xe	1	2009	549.382.493		0
3	Mitsubishi biển số 51D-332.59	Xe	1	2004	242.000.000		0
4	Huynhdai biển đăng ký 51A-350.90	Xe	1	2012	1.149.034.365		0



Giám đốc

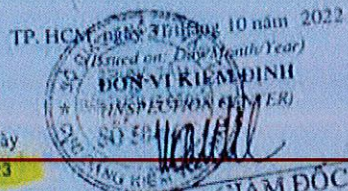
Lý Thành Tài

1. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: **51D-332.59**
 (Registration Number)
 Loại phương tiện: (Type) ô tô tải thùng lửng
 Nhãn hiệu: (Mark) MITSUBISHI
 Số loại: (Model code) CANTER
 Số máy: (Engine Number) 4D32J-51684
 Số khung: (Chassis Number) RLAFE515B31000055
 Năm, Nước sản xuất: 2003, Việt Nam
 (Manufactured Year and Country)
 Niên hạn SD: 2028
 (Lifetime limit to)

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires, Tire size/axle)
 1: 2; 7.50-15
 2: 2; 7.50-15

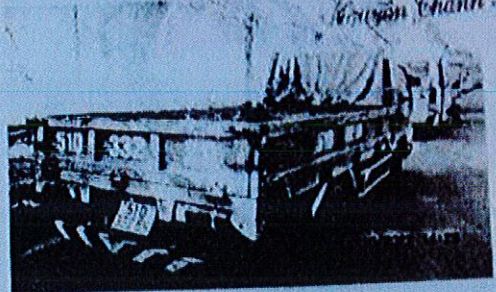
Số phiếu kiểm định
 (Inspection Report No)
 5006V-42600/22
 Có hiệu lực đến hết ngày
 (Valid until) 29/04/2023



Kinh doanh vận tải (Commercial Use) - Cải tạo (Modification) -

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1390/1380 (mm)
 (Wheel Formula) (Wheel Tread)
 Kích thước bao: (Overall Dimension) 4820 x 1750 x 2005 (mm)
 Kích thước lồng thùng xe (Inside cargo container dimension)
 3050x1615x380 (mm)
 Chiều dài cơ sở: (Wheelbase)/2500 (mm)
 Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 2235 (kg)
 Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: 1900/1900 (kg)
 (Design/Authorized pay load)
 Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 4300/4300 (kg)
 (Design/Authorized total mass)
 Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
 (Design/Authorized towed mass)
 Số người cho phép chở: 3 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
 (Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)
 Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Diesel
 Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 3567 (cm³)
 Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 78(kW)/3500vph
 Số sê-ri: (No.) DA-3369243 2781414566



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)
 Có lắp camera (Equipped with camera)
 Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp) was not issued
 Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Socialist Republic of Vietnam

CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ho Chi Minh city's Public Security

PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG

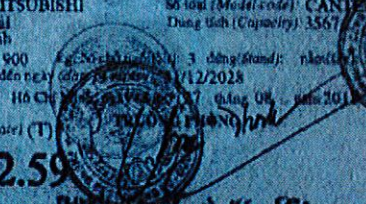
The traffic police Division

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

Car Registration Certificate

Số (Number): 386979

Tên chủ xe (Owner's full name)
 CTY CP CẤP NƯỚC NHÀ BÈ
 Địa chỉ (Address)
 1179 NVL KP4 P. TP Q. 7
 Nhãn hiệu (Brand): MITSUBISHI
 Loại xe (Type): Ô tô tải
 Màu sơn (Color): Xanh
 Tải trọng (Gross weight): 1900 kg
 Đăng ký xe ô tô giá trị đến ngày (Valid until): 12/2028
 Số máy (Engine No): 4D32J-51684
 Số khung (Chassis No): 515B31000055
 Số loại (Model code): CANTER
 Dung tích (Capacity): 3567
 Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 04 năm 2023
 Biên số đăng ký (N/P/plate) (T)
51D-332.59
 Đăng ký lần đầu ngày: 13/03/2004
 THƯỜNG TRƯỞNG Trần Văn Chương



L. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 53S-7415

(Registration Number)

Loại phương tiện: (Type) Ô tô khách

Nhãn hiệu: (Mark) TOYOTA

Số loại: (Model code) HIACE TRH213L-JEMDKU

Số máy: (Engine Number) 2TR-6917691

Số khung: (Chassis Number) RL4RX12P-699002688

Năm, Nơi sản xuất: 2009, Việt Nam

(Manufactured Year and Country)

Kinh doanh vận tải: Thương mại Cá nhân Cải tạo (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2

(Wheel Formula)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4840 x 1880 x 2105 (mm)

KT không hành lý lớn nhất: (Largest luggage container dimension) (mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2570 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1885 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (Design/Authorized payload) 3100/3100 (kg)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: (Design/Authorized total mass) (kg)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (Design/Authorized towed mass) (kg)

Số người cho phép chở: 15 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm

(Permissible No. of Pass Carried: seat, stand place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 2694 (cm³)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 111 (kW)/4800rpm

Số xe-ri: (No.) DA-4811786

SS07553826

Số lượng lốp, cỡ lốp/lốp (Number of tires, Tire size/type)

1: 2; 195R15

2: 2; 195R15

TP-HCM, ngày 20 tháng 4 năm 2023

(Issued on: Day/Month/Year)

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

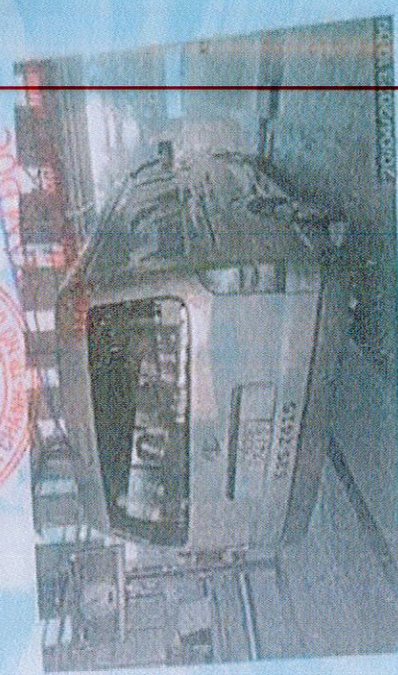
TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH

TRUNG ƯƠNG KIỂM ĐỊNH



Cố lập thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)

Cố lập camera (Equipped with camera)

Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)

Giữ chặt:

Nhãn hiệu (Brand): TOYOTA Số loại (Model code): HIACE
Loại xe (Type): Khách Màu sơn (Color): Xanh
Số máy (Engine N°): ZTR-6817691
Số khung (Chassis N°): RLARX12P699002588
Công suất (Horsepower): 151 Dung tích (Capacity): 2694
Năm sản xuất (Year of manufacture): 2009 Tải trọng (Empty weight): 1885
Tải trọng (Loading capacity): Hàng hoá (Goods): Năm (Year):
Số chỗ (Seat capacity): Ngồi (Sit): 16 Đứng (Stand):
Trọng lượng kéo theo (Towed weight): kg: Kích thước bao (Overall dimension):
Đài (Length): 4,84m; Rộng (Width): 1,880 m; Cao (Height): 2,105m
Đăng ký xe có giá trị đến ngày 21 tháng 12 năm 2029

TP. Hồ Chí Minh, ngày (date) 29 tháng 12 năm 2009
A. TRUONG PHONG

Đăng ký lần đầu ngày:
Date of first registration
29/12/2009

TRUONG LA VO VAN TAM

Mã số 19
Số đăng ký xe ô tô: 013997
Ngày 11/02/2019 tại Sở Cảnh sát

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam
CÔNG AN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ho Chi Minh City's Public security
PHÒNG CẢNH SÁT GIAO THÔNG
The Traffic Police Division

ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ

CAR REGISTRATION CERTIFICATE

Số (Number): 013997

Tên chủ xe (Owner's full name): **CẤP NƯỚC NHÀ BÈ**

Địa chỉ (Address): **A Phú Mỹ Hưng Ng Văn Linh Q7**

Số CMND/Hộ chiếu (Identity Card N°/Passport):

338-7415

Biển số đăng ký (N° Plate):

I. PHƯƠNG TIỆN (VEHICLE)

Biển đăng ký: 51A-350.90 Số quản lý: 5003S-112280
 (Registration Number) (Vehicle Inspection No.)

Loại phương tiện: (Type) ô tô con

Nhãn hiệu: (Mark) HYUNDAI

Số loại: (Model code) SONATA

Số máy: (Engine Number) G4KDCA024956

Số khung: (Chassis Number) KMHEC41BBCA414072

Năm, Nước sản xuất: 2012, Hàn Quốc Niên hạn SD:
 (Manufactured Year and Country) (Lifetime limit to)

Kinh doanh vận tải: (Commercial Use) Cải tạo: (Modification)

2. THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATIONS)

Công thức bánh xe: 4x2 Vết bánh xe: 1587/1587 (mm)
 (Wheel Formula) (Wheel Tread)

Kích thước bao: (Overall Dimension) 4820 x 1835 x 1470 (mm)

Kích thước lồng thùng xe (Inside cargo container dimension)

(mm)

Chiều dài cơ sở: (Wheelbase) 2795 (mm)

Khối lượng bản thân: (Kerb mass) 1486 (kg)

Khối lượng hàng CC theo TK/CP TGGT: (kg)
 (Design/Authorized pay load)

Khối lượng toàn bộ theo TK/CP TGGT: 1980/1980 (kg)
 (Design/Authorized total mass)

Khối lượng kéo theo TK/CP TGGT: (kg)
 (Design/Authorized towed mass)

Số người cho phép chở: 5 chỗ ngồi, 0 chỗ đứng, 0 chỗ nằm
 (Permissible No. of Pers Carried: seat, stood place, laying place)

Loại nhiên liệu: (Type of Fuel Used) Xăng

Thể tích làm việc của động cơ: (Engine Displacement) 1998 (cm3)

Công suất lớn nhất/tốc độ quay: (Max. output/rpm) 121(kW)/6200vph

Số sê-ri: (No.) DA-4778418 3943115526

Số lượng lốp, cỡ lốp/trục (Number of tires; Tire size/axle)

1: 2; 225/45R18

2: 2; 225/45R18

Số phiếu kiểm định (Inspection Report No)
 5002S-04003/23

Có hiệu lực đến hết ngày (Valid until) 18/01/2024

TP. HCM ngày 19 tháng 1 năm 2023



Có lắp thiết bị giám sát hành trình (Equipped with Tachograph)
 Có lắp camera (Equipped with camera)
 Không cấp tem kiểm định (Inspection stamp was not issued)
 Ghi chú: Biển đăng ký nền trắng

Tên chủ xe (Owner's full name) CTY CP CẤP NƯỚC NHÀ BÈ Số máy (Engine No) G4KDCA024956
 Địa chỉ (Address) H2 LỘ A PMH Nguyễn V Linh P. TP Quận 7 Số khung (Chassis No) 41BBCA414072
 Nhãn hiệu (Brand) HYUNDAI Số loại: (Model code) SONATA
 Loại xe (Type) Ô tô con Dung tích (Capacity) 1998
 Màu sơn (Color) Trắng Chiều dài cơ sở (Wheel Formula) 2,795 m
 Năm sản xuất (Year of manufacture) 2012 Trọng lượng (Empty weight) 1486
 Kích thước bao: -Dài (Length) 4,820 m, Rộng (Width) 1,835 m, Cao (Height) 1,470 m
 Overall dimension: Dài (Length) m, Rộng (Width) m, Cao (Height) m
 Tải trọng: Hàng hóa: kg, số chỗ ngồi (Số 05 đứng (Stand) năm (Year)
 Kích cỡ lốp trước/sau (Tire size) 225/45R18
 Đăng ký xe có giá trị đến ngày tháng năm
 Valid until Hồ Chí Minh ngày tháng năm 2023
 Biên số đăng ký (No Plate) 51A-350.90
 Đăng ký lần đầu ngày: 25/01/2012
 THƯƠNG TÀI Nguyễn Hoàng Diệp



CHỦ PHƯƠNG TIỆN, LÁI XE CẦN BIẾT

Vehicle owners, drivers are to be aware of the following:

1. Khi tham gia giao thông phải mang theo Giấy chứng nhận kiểm định. Nộp lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định khi có thông báo thu hồi của các Đơn vị đăng kiểm.

When operating a vehicle in traffic, the certificate of inspection must be displayed. Return certificate and inspection sticker when receiving a withdrawal notice from the Inspection Center.

2. Lái xe khi lưu hành qua cầu, hầm đường bộ phải tuân thủ các biển báo hiệu đường bộ đặt trước công trình.

When passing the bridges, road tunnels, drivers must comply with road warning signs put forward us.

3. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của xe giữa hai kỳ kiểm định.

During two consecutive inspections, perform maintenance and repairs to maintain the vehicle's technical condition.

4. Khi có thay đổi thông tin hành chính, thông số kỹ thuật phải đến Đơn vị đăng kiểm để được hướng dẫn làm thủ tục ghi nhận thay đổi.

When roaming, transfer of vehicle ownership, renovation, modification of frame (chassis) or changing of engine No., the concerned Inspection Center (Vietnam Register) should be notified for instructions and the required procedures are to be followed.

5. Xe cơ giới bị tai nạn giao thông đến mức không đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định phải sửa chữa, khắc phục và đến Đơn vị đăng kiểm để kiểm định lại.

A motor vehicle which is damaged by accident and the requirements for technical safety and environment protection are not assured, is to be repaired and brought for re-inspection at an Inspection Center.

6. Giấy chứng nhận kiểm định không sử dụng làm căn cứ khi chuyển nhượng phương tiện.

A certificate of inspection should not be used as a basic for transferring vehicle.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MQT - Vietnam Register

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

PERIODICAL INSPECTION CERTIFICATE
OF MOTOR VEHICLE FOR COMPLIANCE WITH TECHNICAL SAFETY
AND ENVIRONMENTAL PROTECTION REQUIREMENTS

No: DA 4778418

